

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:72.../YHP - QĐ

Hải Phòng, ngày 26 tháng 2 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Hướng dẫn thực hiện quy chế
Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HẢI PHÒNG

- Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại Học Y Hải Phòng.
- Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy.
- Căn cứ điều kiện cụ thể của Trường và theo đề nghị của bà Trưởng phòng Đào tạo đại học.

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này bản “Hướng dẫn thực hiện quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học” tại Trường Đại học Y Hải Phòng.
- Điều 2.** Hướng dẫn này có hiệu lực từ Học kỳ II năm học 2006-2007 và thay thế cho hướng dẫn thực hiện Quy chế 04/1999/QĐ-BGD&ĐT.
- Điều 3.** Các ông (bà) trưởng Phòng Đào tạo đại học, trưởng các Phòng, Ban, Bộ môn, Trung tâm và các lớp sinh viên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3
- Giáo viên chủ nhiệm các khối/lớp
- Lưu ĐTDH, HCTH



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Thúc

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN QUY CHẾ

Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học

(Ban hành theo Quyết định số 32.../YHP-QĐ ngày 26 tháng 2 năm 2007)

Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định đào tạo đại học, cao đẳng về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi học phần, thi tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo bậc đại học và cao đẳng thực hiện theo học chế mềm dẻo kết hợp niên chế với học phần tại trường Đại học Y Hải Phòng (kể cả hệ chuyên tu hiện nay).

Điều 2. Chương trình giáo dục đại học

1. Chương trình giáo dục đại học (gọi tắt là chương trình) thể hiện mục tiêu giáo dục đại học; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục đại học, phương pháp và hình thức đào tạo, cách đánh giá kết quả đào tạo đối với mỗi môn học, ngành học, trình độ đào tạo của giáo dục đại học.
2. Chương trình được Trường xây dựng trên cơ sở chương trình khung do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Mỗi chương trình khung ứng với một ngành đào tạo ở một trình độ đào tạo cụ thể.
3. Mỗi chương trình có thể gắn với một hoặc một vài ngành đào tạo.
4. Chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc 2 khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

Điều 3. Học phần và đơn vị học trình

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đối trọn vẹn, thuận tiện cho người học tích lũy trong quá trình học tập. Phần lớn học phần có khối lượng từ 2-5 đơn vị học trình và được bố trí giảng dạy trọn vẹn, phân bố đều trong 1 học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần phải gắn liền với 1 trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như 1 phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Từng học phần được ký hiệu bằng 1 mã riêng do Trường quy định.
2. Có hai loại học phần: học phần bắt buộc và học phần tự chọn.
 - a. Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
 - b. Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, sinh viên tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hoá chuyên môn.

Trong điều kiện hiện tại, các học phần này do Hội đồng khoa học giáo dục trường quy định.

3. Đơn vị học trình được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một đơn vị học trình được quy định bằng 15 tiết lý thuyết, 30-45 tiết thực hành, thí nghiệm hay thảo luận, bằng 45-90 giờ thực tập tại cơ sở, bằng 45-60 giờ làm tiểu luận, đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

Đối với mỗi học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm để tiếp thu được 1 đơn vị học trình, sinh viên phải dành ít nhất 15 giờ chuẩn bị cá nhân. Hiệu trưởng quy định cụ thể số tiết, số giờ đối với từng học phần cho phù hợp.

4. Một tiết học được tính bằng 45 phút (quy định này thực hiện tại trường từ năm học 2007-2008).

Chương II: TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

Điều 4. Thời gian và kế hoạch đào tạo

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học và năm học.
 - a. Khoá học là thời gian để sinh viên thực hiện hoàn thành một chương trình cụ thể. Trường hiện có các chương trình đào tạo đại học sau đây:
 - Bác sĩ đa khoa 6 năm (mã ngành 301)
 - Bác sĩ đa khoa 4 năm (mã ngành CT301)
 - Cử nhân điều dưỡng 4 năm (mã ngành 305)
 - Cử nhân điều dưỡng vừa học vừa làm 4 năm (mã ngành TC 305)
 - b. Một năm có 2 học kỳ chính, mỗi học kỳ có ít nhất là 15 tuần thực học và 3 tuần thi, kiểm tra. Ngoài ra Trường tổ chức thêm 1 học kỳ hè để sinh viên có các học phần bị đánh giá không đạt ở các học kỳ chính được học lại. Mỗi học kỳ hè có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, kiểm tra.
2. Căn cứ vào khối lượng kiến thức quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng phân bổ số học phần cho từng năm học, học kỳ.
 - Đầu khoá học, Trường thông báo công khai nội dung, kế hoạch học tập của các chương trình, quy chế đào tạo, nghĩa vụ, quyền lợi của sinh viên.
 - Đầu mỗi năm học, Trường thông báo lịch trình học của từng chương trình trong học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và học phần tự chọn do Hiệu trưởng quy định, lịch kiểm tra và thi, hình thức kiểm tra và thi các học phần.
3. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình gồm thời gian quy định cho chương trình tại khoản 1 điều này cộng với thời gian tối đa sinh viên được phép ngừng học tại khoản 3 điều 6 và khoản 2 điều 7 của Quy chế này.

Điều 5. Sắp xếp sinh viên vào học các chương trình (ngành đào tạo)

Trường xác định điểm xét tuyển các ngành đào tạo trong kỳ thi tuyển sinh. Sinh viên đạt quy định xét tuyển sẽ được Trường sắp xếp vào các ngành đào tạo đã đăng ký.

Điều 6. Điều kiện để sinh viên được học tiếp, nghỉ học tạm thời, ngừng học hoặc bị thôi học.

Trước khi vào năm học, Trường căn cứ vào số học phần đã học, điểm trung bình chung học tập của năm học và điểm trung bình chung tất cả học phần tính từ đầu khoá học để xét việc học tiếp, nghỉ học tạm thời, ngừng học hoặc bị buộc thôi học của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên ở học kỳ hè (nếu có) thuộc năm học nào được tính chung vào kết quả học tập của năm học đó.

1. Sinh viên được học tiếp năm học sau (lên lớp) nếu có đủ các điều kiện dưới đây.

- Có điểm trung bình chung học tập của năm học từ 5,0 trở lên.
- Có khối lượng học phần bị điểm dưới 5,0 tính từ đầu khoá học không quá 25 đơn vị học trình.

Tại các học kỳ kế sau sinh viên phải chủ động đăng ký học lại những học phần bị điểm dưới 5,0.

2. Sinh viên được quyền gửi đơn tới Hiệu trưởng (thông qua giáo viên chủ nhiệm và Phòng đào tạo đại học) xin được nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- Được động viên vào lực lượng vũ trang.
- Bị ốm hoặc bị tai nạn phải điều trị thời gian dài có giấy xác nhận của cơ quan y tế.
- Vì nhu cầu cá nhân: trường hợp này sinh viên phải học ít nhất 1 học kỳ tại trường và phải đạt điểm trung bình chung học tập các học phần tính từ đầu khoá học không dưới 5,0. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân phải được tính vào thời gian chính thức quy định tại khoản 3 điều 4 của quy chế này.

Sinh viên nghỉ học tạm thời khi muốn trở lại học tiếp tại trường phải gửi đơn tới Hiệu trưởng (thông qua Phòng đào tạo đại học) ít nhất 2 tuần trước khi bắt đầu học kỳ hoặc năm học mới.

3. Sinh viên không thuộc đối tượng được học tiếp (lên lớp) được quyền ngừng học để có thời gian củng cố kiến thức gồm:

a. Sinh viên không thuộc đối tượng ưu tiên trong đào tạo được quyền ngừng học tối đa không quá 2 năm cho toàn khoá đối với chương trình đào tạo từ 3 đến dưới 5 năm, không quá 3 năm đối với chương trình đào tạo từ 5-6 năm

b. Trong thời gian tạm ngừng học, sinh viên phải học lại những học phần chưa đạt.

4. Sinh viên bị buộc thôi học nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- Có điểm trung bình chung học tập của năm học dưới 3,5.
- Có điểm trung bình chung học tập tất cả các học phần tính từ đầu khoá học dưới 4,0 sau 2 năm học, dưới 4,5 sau 3 năm học, dưới 4,8 sau 4 năm học trở lên.
- Đã hết thời gian tối đa được phép học tại trường theo quy định tại khoản 3 điều 4 quy chế này.
- Bị kỷ luật lần thứ 2 vì lý do thi hộ hoặc nhờ người thi hộ theo quy định tại khoản 2 điều 19 quy chế này.

Chậm nhất là 30 ngày sau khi sinh viên có quyết định buộc thôi học, Trường phải thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú. Trường hợp tại trường có các chương trình học ở các trình độ thấp hơn tương ứng thì những sinh viên thuộc diện quy định tại các điểm a, b, c khoản này được quyền xin xét chuyển sang các chương trình đó và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình cũ. Hiệu trưởng quyết định kết quả học tập được bảo lưu cho từng trường hợp cụ thể.

Điều 7. Chế độ ưu tiên trong đào tạo.

1. Các sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo đối tượng quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hàng năm.

2. Sinh viên đại học, cao đẳng thuộc các đối tượng ưu tiên được tạm ngừng học để củng cố kiến thức. Thời gian tạm ngừng học tối đa không quá 3 năm cho toàn khoá học có thời gian đào tạo từ 3 đến dưới 5 năm, không quá 4 năm cho toàn khoá học có thời gian đào tạo từ 5 năm trở lên.

3. Trong thời gian ngừng học sinh viên thuộc đối tượng ưu tiên vẫn được hưởng các chế độ ưu đãi của Nhà nước.

Điều 8. Học theo tiến độ khác tiến độ chung của nhà trường và học cùng lúc hai chương trình

(Trường chưa thực hiện điều này).

Điều 9. Điều kiện để chuyển trường

1. Sinh viên được chuyển trường nếu có đủ các điều kiện sau đây:

a. Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến gần trường nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập.

b. Xin chuyển đến trường có ngành đào tạo trùng hoặc thuộc cùng nhóm ngành đào tạo mà sinh viên đang học.

c. Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường sinh viên xin chuyển đi và chuyển đến.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a. Sinh viên đã dự thi tuyển sinh nhưng không trúng tuyển hoặc có điểm thi thấp hơn điểm xét tuyển của trường xin chuyển đến trong trường hợp thi chung để thi tuyển sinh.

b. Sinh viên có hộ khẩu thường trú nằm ngoài vùng tuyển của trường xin chuyển đến.

c. Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khoá.

d. Sinh viên đang chịu mức kỷ luật cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường

a. Sinh viên chuyển trường phải có hồ sơ xin chuyển trường theo quy định của nhà trường.

b. Hiệu trưởng trường có sinh viên chuyển đến quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận, quyết định việc học tiếp tục của sinh viên như: năm học, số học phần mà sinh viên chuyển đến phải học bổ sung trên cơ sở so sánh chương trình ở trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến.

Chương III: KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

Điều 10. Đánh giá học phần

1. Điều kiện dự thi hết học phần

a. Đối với học phần chỉ có lý thuyết: sinh viên phải tham dự học ít nhất 80% số tiết thực giảng của học phần và điểm trung bình các bài kiểm tra đạt từ 5,0 trở lên (cứ 1 -2 đơn vị học trình có 1 bài kiểm tra).

b. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành

- Phần lý thuyết: Sinh viên phải đủ điều kiện dự thi như quy định đối với học phần chỉ có lý thuyết và kết quả kiểm tra, thi thực hành phải đạt từ 5,0 trở lên.

- Phần thực hành:

+ Môn Cơ sở, cơ bản: Sinh viên phải tham dự đầy đủ các buổi thực hành. Trường hợp vắng có lý do (được bộ môn và phòng Đào tạo đại học đồng ý) sinh viên chỉ được kiểm tra, thi thực hành sau khi đã được bộ môn sắp xếp cho học bù đủ số buổi còn thiếu.

+ Môn Lâm sàng: - Tham gia ít nhất 90% số giờ thực hành

- Đi trực đầy đủ.

2. Cách tính điểm học phần

a. Đối với học phần chỉ có lý thuyết:

Điểm học phần là điểm thi lý thuyết của học phần đó.

b. Đối với học phần có cả điểm thi lý thuyết và thực hành

- Các học phần lấy 1 điểm

+ Các môn khoa học cơ bản, cơ sở chuyên ngành: điểm học phần là trung bình cộng của 2 phần tính theo hệ số: điểm lý thuyết hệ số 2, điểm thực hành hệ số 1

+ Các môn chuyên ngành: Điểm học phần là trung bình cộng của 2 phần tính theo hệ số: điểm thi lý thuyết hệ số 1, điểm thi thực hành hệ số 1.

- Các học phần lấy 2 điểm:

Điểm học phần gồm điểm thi lý thuyết và điểm thi thực hành.

*** Chú ý: điểm thi hết học phần chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến 0,5.**

Điều 11. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần.

1. Kết thúc học phần, trường tổ chức 1 kỳ thi chính. Mỗi năm học tổ chức 2 kỳ thi phụ.

- Kỳ thi chính: trước khi kết thúc học phần, các bộ môn phải báo lịch thi về phòng Đào tạo đại học. Bài thi viết tổ chức thi tại trường và có sự giám sát của Phòng Đào tạo đại học (trường hợp không thi tại trường, bộ môn phải thông báo thời gian, địa điểm thi trước ít nhất 1 tuần để phòng ĐTDH cử người giám sát. Nếu không thông báo kỳ thi đó không được công nhận).

- Kỳ thi phụ: dành cho sinh viên không dự kỳ thi chính có lý do hoặc có điểm dưới 5,0 ở kỳ thi chính. Kỳ thi phụ được tổ chức sớm nhất là 2 tuần sau kỳ thi chính (thường tổ chức vào dịp hè và tết). Sinh viên phải tự túc kinh phí khi thi kỳ thi phụ (do nhà trường quy định).

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ với số đơn vị học trình của học phần đó và được tính từ 1/2 ngày đến 1 ngày cho 1 đơn vị học trình.

3. Nội dung các câu hỏi ôn thi phải phù hợp với chương trình học và công khai cho sinh viên.

Điều 12. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi, số lần được dự thi kết thúc học phần

1. Đề thi phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Đề thi được tổ hợp từ ngân hàng đề thi; quy trình ra đề thi được thực hiện theo quy định của nhà trường: đầu năm học, các bộ môn gửi câu hỏi thi (đối với thi viết cải tiến) hoặc đề thi (đối với thi trắc nghiệm) của các đối tượng sinh viên về phòng Đào tạo đại học. Trước khi thi Cán bộ coi thi sẽ tổ chức cho đại diện các sinh viên thi bốc thăm các câu hỏi thi để tạo thành đề thi (thi viết cải tiến) hoặc bốc thăm đề thi (thi trắc nghiệm).

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là trắc nghiệm, viết cải tiến, vấn đáp, bảng kiểm, viết tiểu luận hoặc kết hợp giữa các hình thức này. Hàng năm, trường duyệt các hình thức thi cho từng học phần trên cơ sở đề xuất của đơn vị và tình hình, điều kiện thực tế của trường.

3. Việc chấm thi kết thúc học phần có lý thuyết theo hình thức viết cải tiến do 2 cán bộ giảng dạy nhận. Điểm thi phải được gửi về Phòng Đào tạo đại học trong thời gian 2 tuần kể từ ngày thi.

Bài thi phải được bảo quản và lưu trữ tại bộ môn ít nhất 2 năm kể từ ngày thi theo nguyên tắc lưu trữ hiện hành. Việc làm phách bài thi viết do Phòng Đào tạo đại học cùng các bộ môn coi thi thực hiện đúng theo quy định.

4. Thi vấn đáp hoặc bảng kiểm (thường áp dụng với học phần thực hành) phải do 2 cán bộ giảng dạy đảm nhiệm. Điểm thi công bố ngay sau mỗi buổi thi.

Nếu có điểm phần thực hành thi kết hợp điểm lý thuyết và thực hành theo hệ số quy định để tổ hợp thành điểm tổng hợp học phần.

Các điểm thi kết thúc học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu quy định thống nhất của trường, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi, chữ ký của trường (phụ trách) bộ môn và làm thành 2 bản: 1 bản nộp về phòng ĐTDH, 1 bản lưu tại bộ môn.

5. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần nếu không có lý do chính đáng thì phải nhận điểm "0" ở kỳ thi chính. Những sinh viên này chỉ còn quyền dự thi lại 1 lần ở kỳ thi phụ (thi lại) sau đó. Nếu vẫn không đạt, phải học lại học phần đó theo quy định mới được dự thi (trả nợ). Sinh viên phải tự túc kinh phí (do nhà trường quy định).

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi chính có lý do chính đáng nếu được bộ môn và phòng ĐTDH cho phép, được dự thi ở kỳ thi phụ (thi lại) và được tính thi lần đầu. Những sinh viên này chỉ được dự thi lần thứ 2 (nếu có) tại các kỳ thi kết thúc học phần đó tổ chức cho sinh viên khoá dưới hoặc trong học kỳ hè.

7. Trường hợp cả hai kỳ thi chính và kỳ thi phụ mà điểm học phần vẫn dưới 5,0 thì sinh viên phải học lại học phần đó theo quy định của trường và được dự thi quy định như đối với học phần mới.

Điều 13. Cách tính điểm kiểm tra, điểm thi, điểm trung bình chung và xếp loại kết quả học tập.

1. Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10).

2. Điểm trung bình chung (TBC) học tập:

a. Điểm trung bình trung học tập (A) được tính theo công thức

$$A = \frac{\text{Tổng của (điểm thi kết thúc học phần} \times \text{số đơn vị học trình)}}{\text{Tổng số đơn vị học trình}}$$

b. Điểm trung bình chung học tập của mỗi học kỳ, mỗi năm học, mỗi khoá học và điểm TBC các học phần từ đầu khoá học đến thời điểm tính TBC được tính đến 2 chữ số thập phân.

c. Kết quả học tập các học phần Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất và kết quả kỳ thi tốt nghiệp đối với môn học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh không tính vào điểm TBC học tập của học kỳ hay năm học, khoá học. Việc đánh giá kết quả và điều kiện cấp chứng chỉ đối với các học phần này theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Các điểm TBC học tập để xét thôi học, ngừng học, học tiếp, xét tốt nghiệp và điểm TBC các học phần tính từ đầu khoá học được tính theo điểm cao nhất trong các lần thi.

3. Xếp loại kết quả học tập

a. Loại đạt:	Từ 9 đến 10	:	Xuất sắc
	Từ 8 đến cận 9	:	Giỏi
	Từ 7 đến cận 8	:	Khá
	Từ 6 đến cận 7	:	Trung bình khá
	Từ 5 đến cận 6	:	Trung bình
b. Loại không đạt:	Từ 4 đến cận 5	:	Yếu
	Dưới 4	:	Kém

Chương IV: THI VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

Điều 14. Thi tốt nghiệp

Năm học cuối khoá sinh viên dự thi tốt nghiệp 2 phần: phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh (thực hiện từ năm

học 2006-2007). Việc tổ chức giảng dạy và thi tốt nghiệp môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh theo hướng dẫn tại công văn số 11381/BGD&ĐT ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Điều kiện dự thi:

- Năm học cuối khoá, sinh viên không bị kỷ luật đình chỉ học tập hoặc không bị truy cứu trách nhiệm hình sự

- Hoàn thành tất cả các học phần, không có điểm thi kết thúc học phần dưới 5,0.

- Có đủ sức khoẻ theo quy định của Thông tư liên Bộ GGD&ĐT - Y tế

2. Nội dung và hình thức thi:

Hàng năm, trước kỳ thi muộn nhất là 2 tháng, Trường thông báo cụ thể nội dung và hình thức thi cho từng đối tượng.

Điều 15. Chấm thi tốt nghiệp

- Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng thi tốt nghiệp gồm Chủ tịch, các Phó chủ tịch, Thư ký, một số uỷ viên. Giúp việc Hội đồng có một số ban như: Ban thư ký, Ban coi thi, Ban chấm thi, Ban cơ sở vật chất, Ban thanh tra và Ban bảo vệ kỳ thi...

- Điểm thi vấn đáp phải được công bố sau mỗi buổi thi. Kết quả bài thi viết được công bố chậm nhất là 10 ngày sau khi thi.

- Sinh viên có điểm thi tốt nghiệp dưới 5,0 được Trường tổ chức cho thi lại trong thời gian từ 3 đến 6 tháng sau kì thi đó. Hiệu trưởng quy định nội dung và hình thức thi lại. Việc ra đề thi, tổ chức thi, coi thi, chấm thi, xét và đề nghị công nhận tốt nghiệp được thực hiện như ở kỳ thi chính thức.

Điều 16. Thực tập cuối khoá và điều kiện xét tốt nghiệp của ngành đặc thù:

(Hiệu trưởng chưa áp dụng quy định của điều này.)

Điều 17. Những điều kiện tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp.

1. Những sinh viên có đủ các điều kiện sau được đề nghị công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Tích lũy đủ số học phần quy định tại chương trình, không còn học phần bị điểm dưới 5,0.

- Được xếp loại đạt ở kỳ thi tốt nghiệp các môn khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Có các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng, Giáo dục thể chất.

2. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên có đủ các điều kiện theo quy định.

Hội đồng xét tốt nghiệp do Hiệu trưởng hoặc Phó hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trường phòng ĐTDH làm Thư ký và có các thành viên do Hiệu trưởng quy định.

Điều 18. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập và chuyển loại hình đào tạo.

1. Bằng tốt nghiệp Đại học được cấp theo ngành đào tạo. Bằng chỉ được cấp cho sinh viên khi đã ghi đầy đủ, chính xác các nội dung ghi trên bằng theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo; phải có ảnh, đóng dấu nổi và có chữ ký của người được cấp bằng. Xếp hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm TBC học tập toàn khoá quy định tại khoản 3 điều 13 của quy chế này.

Bằng tốt nghiệp chỉ cấp 1 lần theo nguyên tắc cấp trực tiếp cho người học (không uỷ quyền). Trường hợp thất lạc bằng có lý do chính đáng, Hiệu trưởng xem xét và cấp giấy chứng nhận thay thế.

Hiệu trưởng có thể xem xét, quyết định huỷ bỏ việc công nhận tốt nghiệp và thu hồi bằng tốt nghiệp trong các trường hợp sau:

- Có sự gian lận trong quá trình học tập.

- Vi phạm Quy chế sử dụng văn bằng của Trường.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả toàn khoá đạt loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức nếu vi phạm một trong những trường hợp sau:

- Có số đơn vị học trình của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số đơn vị học trình quy định cho từng khoá học.

- Đã bị kỷ luật trong thời gian học tập từ mức cảnh cáo trở lên (có quyết định kỷ luật của Trường)

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần.

4. Những sinh viên không đủ điều kiện cấp bằng tốt nghiệp được bảo lưu kết quả học tập trong thời hạn 3 năm tính từ ngày kết thúc khoá học. Trong thời hạn đó sinh viên được trở về Trường để học và thi trả nợ những học phần chưa đạt để đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường. Những sinh viên này nếu có nhu cầu, được làm đơn xin phép chuyển qua chương trình khác theo quy định tại khoản 4 điều 6 quy chế này.

Chương V. XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19. Xử lý kỷ luật đối với những sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra.

1. Trong khi kiểm tra, thi học phần, thi tốt nghiệp nếu vi phạm quy chế sinh viên sẽ bị xử lý kỷ luật đối với từng học phần đã vi phạm. Trường áp dụng các hình thức xử lý vi phạm theo quy chế tuyển sinh đại học hàng năm của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Sinh viên thi hộ, nhờ người thi hộ đều bị xử lý kỷ luật “đình chỉ học tập 1 năm” đối với trường hợp vi phạm lần thứ nhất và buộc thôi học đối với trường hợp vi phạm lần thứ 2.

Chương VI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Bảng hướng dẫn này nhằm cụ thể hoá Quy chế về Đào tạo đại học và Cao đẳng hệ chính quy ban hành theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bảng hướng dẫn này áp dụng cho các bậc đào tạo đại học và cao đẳng trong toàn trường từ Học kỳ II năm học 2006-2007. Hàng năm, Hiệu trưởng sẽ xem xét, đánh giá việc thực hiện Quy chế và có thể điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường.

Trong quá trình thực hiện có vướng mắc gì đề nghị các đơn vị gửi ý kiến về phòng Đào tạo Đại học để tập hợp trình Ban giám hiệu xem xét giải quyết.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Văn Thức